



Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã Thụ Vĩ)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	245.432.000.000	245.432.000.000	115.404.653.553	108.632.475.371	47,02	44,26
I	Các khoản thu 100%	481.000.000	481.000.000	143.803.621	53.069.247		
1	Phí, lệ phí	100.000.000	100.000.000	40.034.000	1.600.000		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	192.000.000	192.000.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			75.362.126	23.342.260		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	189.000.000	189.000.000	28.407.495	28.126.987		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.638.000.000	5.638.000.000	8.080.249.932	1.398.806.124	143	25
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương			248.125.176			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			547.428.040			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	770.000.000	770.000.000	2.926.599.266	210.615.075		
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	220.000.000	220.000.000	11.900.744	11.900.744		
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.884.000.000	1.884.000.000	2.253.310.885	774.350.495		
7	Thu tiền sử dụng đất	2.040.000.000	2.040.000.000	374.203.200	254.458.176		
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			238.656.315			
9	Thuế tài nguyên						
10	Thuế giá trị gia tăng						
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
12	Thuế thu nhập cá nhân	724.000.000	724.000.000	1.480.026.306	147.481.634	204,42	20,37
13	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	239.313.000.000	239.313.000.000	107.180.600.000	107.180.600.000		
1	Thu bổ sung cân đối	181.635.000.000	181.635.000.000	45.408.000.000	45.408.000.000		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	57.678.000.000	57.678.000.000	61.772.600.000	61.772.600.000		